

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2019

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tuân.

2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2019/HNGĐ - QĐXX ngày 19/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1997, vắng mặt.

HKTT: thôn A xã D huyện K tỉnh Hưng Yên.

Trú tại: thôn C xã L huyện Đ tỉnh Hưng Yên

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hùng H, sinh năm 1996, vắng mặt.

HKTT, trú tại: thôn A xã D huyện K tỉnh Hưng Yên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Phạm Thị S, sinh ngày: 18/3/2019.

Quê quán: xã D huyện K tỉnh Hưng Yên

4. *Người giám hộ cho cháu S:* Chị Lê Thị Thu T, là mẹ đẻ của cháu, vắng mặt.

5. *Người làm chứng:*

5.1 Ông Phạm Văn X, sinh năm 1962, vắng mặt.

HKTT, trú tại: thôn A xã D huyện K tỉnh Hưng Yên.

5.2 Chị Lê Thị L – sinh năm: 1993, (vắng mặt).

Trú tại: thôn C xã L huyện Đ tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2018, chị kết hôn với anh Phạm Hùng H, sinh năm 1996, trú tại thôn A xã D huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đến

với nhau, anh chị đã được UBND xã D huyện K tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2018.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống với anh H tại thôn A xã D huyện K tỉnh Hưng Yên, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, anh H là người nhu nhược, không có lập trường sống, khi có va chạm với gia đình nhà chồng, anh H nghe lời bố mẹ, kể cả chị gái anh H, anh H có lời lẽ mạt sát chị và bố mẹ chị. Ngay sau khi chị sinh con, chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó hai vợ chồng sống ly thân, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị S, sinh ngày 18/3/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu S và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình và đất canh tác nông nghiệp 03: Không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Do con còn nhỏ, công việc và điều kiện đi lại khó khăn nên chị xin được vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019, bị đơn anh Phạm Hùng H trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn như trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Thu T. Sau khi kết hôn, chị T chuyển về chung sống cùng anh ở thôn A xã D huyện K tỉnh Hưng Yên. Anh thừa nhận, ban đầu cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, nhưng kể từ sau khi sinh con, mâu thuẫn vợ chồng trở lên căng thẳng, chị T bản tính trẻ con, thích làm theo ý mình, sau khi sinh con tính nết càng thay đổi, anh cũng không hiểu lý do chị T mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh đã đến tìm và cùng gia đình động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không quay về. Nay chị T xin ly hôn, xét thấy không còn tình cảm và mệt mỏi nên anh nhất trí không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị S, sinh ngày 18/3/2019. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Nếu ly hôn, anh nhất trí để chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu S, việc đóng góp nuôi con chung anh không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình và đất canh tác nông nghiệp 03: Không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Do bận công việc, không bố trí thời gian tham gia tố tụng được nên anh H có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, hòa giải, hợp và xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2019, người làm chứng là ông Phạm Văn X trình bày: Ông là bố đẻ anh Phạm Hùng H, hiện đang trú tại thôn A xã D. Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn đúng như chị T và anh H đã trình bày. Sau khi cưới, chị T về chung sống cùng anh H. Vợ chồng anh, chị chung sống bình thường được một thời gian cho đến khi chị T sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T tính nết trẻ con, thích làm theo ý mình. Sau khi sinh con, chị T mang con về nhà bố mẹ đẻ

sinh sống, ông có tìm gặp chị T cũng như bố mẹ chị T để động viên, nhưng chị T không quay về. Nay chị T xin ly hôn ông tôn trọng ý kiến của chị T. Ngoài ra ông X không khai gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2019, người làm chứng chị Lê Thị L trình bày: Chị là chị gái của chị Lê Thị Thu T, quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn đúng như chị T đã trình bày, theo chị được biết nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là do anh H là người nhu nhược, không có lập trường, chính kiến, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm, mạt sát chị T, khi chị T sinh con, anh H không quan tâm, chăm sóc, sau khi sinh con được một tháng, chị T đã mang con về nhà bố mẹ chị sinh sống, kể từ đó vợ chồng chị T sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay chị T xin ly hôn, mặc dù không mong muốn nhưng chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T.

Qua xác minh ngày 30/5/2019 tại UBND xã D xác định: anh Phạm Hùng Anh và chị Lê Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 07/5/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh, chị đã sống ly thân. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Phạm Thị S, sinh ngày 18/3/2019, hiện cháu đang ở với chị T. Ngoài ra UBND xã D còn có một số ý kiến về tài sản, công nợ, công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03, đồng thời UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Phạm Thị S, sinh ngày 18/3/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị Trang, anh H đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 03/5/2019, chị Lê Thị Thu T có đơn khởi kiện anh Phạm Hùng Anh, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan, anh Phạm Hùng H có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn A xã D huyện K tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Hùng H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2018. Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng, cả chị T và anh H đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, cuộc sống hạnh phúc gia đình đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều có nguyện vọng xin được ly hôn, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị T được ly hôn với anh H để hai bên sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung:* Cả chị T, anh H đều khẳng định vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Thị S, sinh ngày 18/3/2019.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T, anh H đều có nguyện vọng để cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S, cháu S còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình cần giao cháu S cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, với nguyện vọng của cả hai anh chị và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh H có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Cả hai vợ chồng khẳng định không có gì liên quan, không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Hùng Anh.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phạm Thị S, sinh ngày 18/3/2019 cho chị Lê Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Anh Phạm Hùng H có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0001188 ngày 03/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã D, L;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh